

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2010
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3 - Phường Trung Đô - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

Tel: (0383) 856 816

Fax: (0383) 855 263

MỤC LỤC**Trang**

Báo cáo của Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Thuyết minh Báo cáo tài chính

9 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3 - Phường Trung Đô - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

Tel: (0383) 856 816

Fax: (0383) 855 263

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 như sau:

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (sau đây được viết tắt là "Công ty") là công ty con trong tập hợp các doanh nghiệp Công ty mẹ - công ty con thuộc Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (viết tắt là VNECO), được thành lập theo Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3; được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo Quyết định số 03QĐ/XLĐ 3.3-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000200 ngày 20/11/2003, đăng ký lại lần thứ 4 ngày 11/7/2009 mã số doanh nghiệp 2900576216.

Trụ sở chính: Khối 3 - Phường Trung Đô - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty: **13.197.100.000 đồng** (mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010:

Đối tượng góp vốn:	Số cổ phần	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	698.572	6.985.720.000	52,93
Các cổ đông khác	621.138	6.211.380.000	47,07
Tổng	1.319.710	13.197.100.000	100,00

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2010 là xây dựng các công trình điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh vật liệu điện.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 KV, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình điện;
- Chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng các kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông;
- Khai thác kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Xử lý nền móng các công trình;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường).

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2010 đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Đậu Ngọc Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm 20/02/2010)
Nguyễn Khắc Thân	Thành viên
Bà Trần Thị Lương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/08/2010)
Ông Nguyễn Văn Từ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/08/2010)
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Đậu Ngọc Thanh	Giám đốc
Bà Trần Thị Lương	Kế toán trưởng

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến 18 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 cam kết rằng Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các nguyên tắc kế toán và chế độ tài chính hiện hành. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

7. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp toàn bộ sổ, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Tp.Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Giám đốc

Đậu Ngọc Thanh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập ngày 15/01/2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ
TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám đốc

Kiểm toán viên

Đào Tiến Đạt
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Nguyễn Thị Thanh Huế
Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.112.908.169	16.343.403.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		290.594.751	2.129.138.773
1. Tiền	111	V.1	290.594.751	2.129.138.773
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.021.204.565	10.514.173.242
1. Phải thu khách hàng	131		13.829.462.883	8.336.630.641
2. Trả trước cho người bán	132		69.125.800	123.515.800
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	2.325.861.139	2.257.272.058
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(203.245.257)	(203.245.257)
IV. Hàng tồn kho	140		1.534.864.290	2.808.031.598
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.534.864.290	2.808.031.598
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.266.244.563	892.059.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		347.283.691	264.774.319
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		918.960.872	627.285.672
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.328.955.436	5.858.648.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		3.318.832.936	3.358.648.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.841.971.301	3.232.859.953
Nguyên giá	222		9.804.314.059	9.888.097.852
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.962.342.758)	(6.655.237.899)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	476.861.635	125.788.994
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2.500.000.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(500.000.000)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.122.500	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	10.122.500	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.441.863.605	22.202.052.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.212.670.289	6.117.638.032
I. Nợ ngắn hạn	310		7.600.990.113	5.965.463.942
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1.196.895.002	664.715.017
2. Phải trả người bán	312		676.060.740	296.290.076
3. Người mua trả tiền trước	313		1.341.961.939	721.367.994
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.012.568.507	758.885.964
5. Phải trả người lao động	315		1.576.482.988	2.131.400.311
6. Chi phí phải trả	316	V.17	8.171.373	161.793.811
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.736.803.653	1.220.441.564
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		52.045.911	10.569.205
II. Nợ dài hạn	330		611.680.176	152.174.090
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		143.515.902	152.174.090
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		468.164.274	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.229.193.316	16.084.414.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	16.229.193.316	16.084.414.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.032.322.293	730.341.602
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		308.085.975	212.124.584
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.682.825.048	1.935.988.333
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.441.863.605	22.202.052.551

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)		937,53	936,58

Tp. Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Lương

Đậu Ngọc Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	14.718.713.585	15.135.499.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.718.713.585	15.135.499.748
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	10.244.655.533	11.358.090.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.474.058.052	3.777.409.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	184.635.475	114.249.887
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	691.998.068	(35.686.147)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		169.140.068	26.674.053
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.100.250.146	1.908.217.935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.866.445.313	2.019.127.196
11. Thu nhập khác	31		403.678.409	379.870.602
12. Chi phí khác	32		26.672.370	72.661.054
13. Lợi nhuận khác	40		377.006.039	307.209.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.243.451.352	2.326.336.744
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	560.626.304	407.108.931
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.682.825.048	1.919.227.813
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	1.275,15	1.454,28

Tp. Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Lương

Đậu Ngọc Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.322.278.629	14.333.913.888
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.655.637.559)	(5.859.712.391)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.294.865.837)	(2.675.475.934)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(166.024.869)	(27.454.054)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(533.197.429)	(39.107.879)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	153.305.157	641818701
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.900.937.227)	(2.453.163.494)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.075.079.135)	3.920.818.837
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(281.300.000)	(124.969.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	289.000.000	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.492.000.000)	(2.817.564.656)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	158.334.484	82.186.304
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	122.569.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.374.508	24.960.724
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.296.591.008)	(2.512.817.428)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	(186.341.400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.056.594.904	1.521.037.839
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.524.414.919)	(1.219.068.972)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	532.179.985	115.627.467
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.839.490.158)	1.523.628.876
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.129.138.773	604.970.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	946.136	539.054
Tiền tồn cuối kỳ	70	290.594.751	2.129.138.773

Tp. Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Lương

Đậu Ngọc Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (sau đây được viết tắt là "Công ty") là công ty con trong tập hợp các doanh nghiệp Công ty mẹ - công ty con thuộc Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (viết tắt là VNECO), được thành lập theo Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3; được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo Quyết định số 03QĐ/XLĐ 3.3-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000200 ngày 20/11/2003, đăng ký lại lần thứ 4 ngày 11/7/2009 mã số doanh nghiệp 2900576216.

Trụ sở chính: Khối 3 - Phường Trung Đô - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty: **13.197.100.000 đồng** (mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010:

Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	698.572	6.985.720.000	52,93
Các cổ đông khác	621.138	6.211.380.000	47,07
Tổng	1.319.710	13.197.100.000	100,00

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2010 là xây dựng các công trình điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh vật liệu điện.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 KV, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình điện;
- Chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng các kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông;
- Khai thác kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Xử lý nền móng các công trình;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp;

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp;

3- Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền đang chuyển đảm bảo đã được kiểm kê đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư có tổn thất, Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”;

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: chi phí trả trước (bao gồm các khoản chi phí như chi phí đạt chứng chỉ ISO, chi phí sửa chữa có giá trị lớn) được ghi nhận để phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phân bổ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ là 2 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

Cơ sở ghi nhận khoản chi phí phải trả: ghi nhận dựa trên cơ sở nghiệm thu khối lượng đã thực hiện được nhưng chưa có chứng từ chi phí.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận còn lại sau khi xác định thuế và chia cổ tức cho các cổ đông căn cứ vào phương án trích do Hội đồng quản trị trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lãi

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Thuế suất thuế GTGT: Đối với mặt hàng ống cống, cột và cọc bê tông, hoạt động xây lắp: 10% tính trên giá bán

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010		01/01/2010	
	USD	Đồng	USD	Đồng
Tiền mặt tại quỹ		14.337.983		33.805.319
Tiền Việt Nam gửi ngân hàng		258.507.450		2.078.530.272
Ngân hàng Công thương Bến Thủy		257.507.450		2.078.530.272
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		1.000.000		0
Tiền Ngoại tệ gửi Ngân hàng	937,53	17.749.318	936,58	16.803.182
Ngân hàng Công thương Bến Thủy	937,53	17.749.318	936,58	16.803.182
Cộng	937,53	290.594.751	936,58	2.129.138.773

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3 - Phường Trung Đô - TP. Vinh - Nghệ An

Tel: (0383) 855.619

Fax: (0383) 855 263

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Phải thu các đội về các khoản ứng vốn thi công các công trình	1.595.379.128	1.233.917.413
Phải thu từ Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	344.094.288	723.405.775
Phải thu từ kinh phí đền bù đường dây Ô môn - Sóc Trăng	69.386.750	49.741.206
Phải thu từ kinh phí đền bù đường dây Sơn La - Hòa Bình	64.480.000	0
Tiền BHXH, BHYT phải thu của người lao động	0	16.470.992
Phải thu khác	252.520.973	233.736.672
Cộng	2.325.861.139	2.257.272.058

4- Hàng tồn kho

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	483.395.714	682.507.702
Công cụ, dụng cụ	29.102.701	21.893.905
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	268.181.750	1.470.129.317
Thành phẩm	750.026.206	629.342.755
Hàng gửi đi bán	4.157.919	4.157.919
Cộng	1.534.864.290	2.808.031.598

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	3.941.969.905	3.046.805.034	2.541.235.407	358.087.506	9.888.097.852
Tăng khác	0	14.382.207	0	0	14.382.207
Thanh lý, nhượng bán	0	(66.966.000)	(31.200.000)	0	(98.166.000)
Tại ngày 31/12/2010	3.941.969.905	2.994.221.241	2.510.035.407	358.087.506	9.804.314.059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	3.078.622.110	2.073.265.749	1.313.049.561	190.300.479	6.655.237.899
Khấu hao trong năm	51.746.355	111.892.730	208.150.827	23.784.937	395.574.849
Thanh lý, nhượng bán	0	(66.966.000)	(21.503.990)	0	(88.469.990)
Tại ngày 31/12/2010	3.130.368.465	2.118.192.479	1.499.696.398	214.085.416	6.962.342.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	863.347.795	973.539.285	1.228.185.846	167.787.027	3.232.859.953
Tại ngày 31/12/2010	811.601.440	876.028.762	1.010.339.009	144.002.090	2.841.971.301

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.180.450.392 Đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3 - Phường Trung Đô - TP. Vinh - Nghệ An

Tel: (0383) 855.619

Fax: (0383) 855 263

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Khuôn cột bê tông dự ứng lực 8,5m ngọn 160	212.000.000	0
Xe ô tô có gắn cầu	121.435.638	121.435.638
Dàn quay cột dự ứng lực	54.020.908	0
Bộ căng thép cho cột 7,5m	40.000.000	0
Bộ căng thép cho cột 8,5m	20.000.000	0
Giàn quay ly tâm	17.900.000	0
Giàn quần đai cột bê tông dự ứng lực	7.151.733	0
Kho đựng dụng cụ	4.353.356	4.353.356
Cộng	476.861.635	125.788.994

13- Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Đồng	Số lượng cổ phiếu	Đồng
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Ba	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Cộng	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Chi phí quảng cáo	10.122.500	0
Cộng	10.122.500	0

15- Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Bến Thủy	1.196.895.002	664.715.017
Cộng	1.196.895.002	664.715.017

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Thuế giá trị gia tăng	578.030.701	351.777.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	434.537.806	407.108.931
Cộng	1.012.568.507	758.885.964

17- Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Trích trước chi phí của các công trình	0	103.475.255
Chi phí kiểm toán phải trả	0	30.000.000
Chi phí tư vấn niêm yết cổ phiếu trên sàn tập trung	0	20.000.000
Tiền điện nước còn phải trả	5.056.174	8.318.556
Chi phí lãi vay	3.115.199	0
Cộng	8.171.373	161.793.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3 - Phường Trung Đô - TP. Vinh - Nghệ An

Tel: (0383) 855.619

Fax: (0383) 855 263

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Kinh phí công đoàn	90.150.193	79.687.244
Bảo hiểm xã hội	36.755.161	0
Bảo hiểm y tế	104.324.905	0
Bảo hiểm thất nghiệp	54.130.095	0
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	97.900.925	0
Các khoản phải trả khác	1.353.542.374	1.140.754.320
Cộng	1.736.803.653	1.220.441.564

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc nguồn vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2009	13.197.100.000	8.860.000	521.601.170	149.897.253	29.334	716.662.629	14.594.150.386
Lãi trong năm	0	0	0	0	0	1.919.227.813	1.919.227.813
Tăng khác	0	0	208.740.432	62.227.331	0	16.760.520	287.728.283
Giảm khác	0	0	0	0	(29.334)	(716.662.629)	(716.691.963)
Số dư tại 31/12/2009	13.197.100.000	8.860.000	730.341.602	212.124.584	0	1.935.988.333	16.084.414.519
Lãi trong năm	0	0	0	0	0	1.682.825.048	1.682.825.048
Tăng khác	0	0	301.980.691	95.961.391	0	0	397.942.082
Giảm khác	0	0	0	0	0	(1.935.988.333)	(1.935.988.333)
Số dư tại 31/12/2010	13.197.100.000	8.860.000	1.032.322.293	308.085.975	0	1.682.825.048	16.229.193.316

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.985.720.000	6.985.720.000
Vốn góp của đối tượng khác	6.211.380.000	6.211.380.000
Cộng	13.197.100.000	13.197.100.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.197.100.000	13.000.000.000
Vốn góp đầu năm	13.197.100.000	13.197.100.000
Vốn góp cuối năm	13.197.100.000	13.197.100.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (*)	1.451.681.000	

(*): Chia cổ tức năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- d. Cổ tức:** Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2010, cổ tức sẽ được phân phối khi Đại hội cổ đông thường niên thông qua phương án phân chia lợi nhuận.

đ. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	01/01/2010 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.319.710	1.319.710
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.319.710</i>	<i>1.319.710</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.319.710</i>	<i>1.319.710</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

() Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.***e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	1.032.322.293	730.341.602
Quỹ dự phòng tài chính	308.085.975	212.124.584

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Doanh thu bán hàng	3.577.229.810	3.501.950.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ	625.859.329	596.669.149
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.515.624.446	11.036.879.601
Cộng	14.718.713.585	15.135.499.748

28- Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Giá vốn của hoạt động sản xuất công nghiệp, vật liệu điện	2.551.005.067	2.040.152.648
Giá vốn cung cấp dịch vụ	733.191.451	623.285.780
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	6.960.459.015	8.694.652.223
Cộng	10.244.655.533	11.358.090.651

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3 - Phường Trung Đô - TP. Vinh - Nghệ An

Tel: (0383) 855.619

Fax: (0383) 855 263

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29- Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	183.689.339	113.710.833
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	946.136	539.054
Cộng	184.635.475	114.249.887

30- Chi phí tài chính

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Lãi tiền vay	169.140.068	26.674.053
Dự phòng giảm giá chứng khoán	500.000.000	80.839.800
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	0	(143.200.000)
Chiết khấu thanh toán	22.858.000	0
Cộng	691.998.068	(35.686.147)

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.243.451.352	2.326.336.744
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	946.136	0
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	<i>946.136</i>	<i>0</i>
Thu nhập tính thuế	2.242.505.216	2.326.336.744
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	560.626.304	581.584.186
<i>Ưu đãi thuế theo Thông tư 03/2009/TT-BTC</i>	<i>0</i>	<i>174.475.256</i>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	560.626.304	407.108.931

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009(*) Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.958.524.006	
Chi phí nhân công	4.719.590.035	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.180.377.772	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.984.626	
Chi phí khác bằng tiền	1.110.278.564	
Cộng	12.617.755.003	

(*) Không có số liệu so sánh năm 2009 do Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 không thuyết minh số liệu này.

35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.682.825.048	1.919.227.813
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.682.825.048	1.919.227.813
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.319.710	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.275,15	1.454,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

3- Thông tin về các bên liên quan**❖ Thông tin chung về các bên liên quan:**

- Công ty mẹ:
 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)
 - Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

❖ Các giao dịch chủ yếu phát sinh với các bên liên quan trong năm 2010:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số PS tăng	Số PS giảm	Số dư cuối kỳ
1	Doanh thu từ hoạt động xây lắp	0	7.624.396.112	0	0
2	Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.155.583.563	8.386.835.723	3.224.506.805	8.317.912.481
3	Phải thu khác	689.788.275	0	689.788.275	0
4	Phải thu từ kinh phí đền bù	49.741.206	335.153.082	40.800.000	344.094.288
5	Phải trả khác	9.260.000	88.640.925	0	97.900.925

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ và năm tài chính trước được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) có phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp

6- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Tp.Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Lương

Đậu Ngọc Thanh